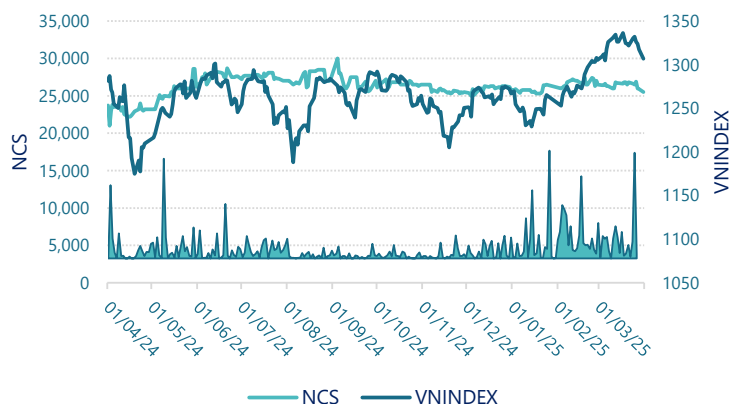


CTCP Suất ăn Hàng không Nội Bài (UPCOM: NCS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	25,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,000
SL cổ phiếu LH	17,948,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,710
% sở hữu nước ngoài	1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	458
P/E	8.0
EPS	3,171

DT thuần

Q1/25

208

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0 | 7.0%

YoY: ▲ 30.0 | 16.6%

LN sau thuế

Q1/25

17.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.60 | 35.7%

YoY: ▲ 2.20 | 14.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

10.9%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2024

732

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 118 | 19.3%

LN sau thuế

2024

54.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.60 | 18.6%

ROE

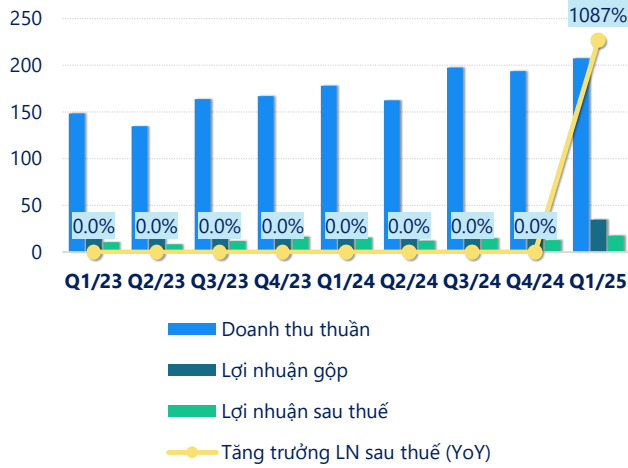
2024

35.3%

+/- YoY: ▼ 8.8%

tỷ VNĐ

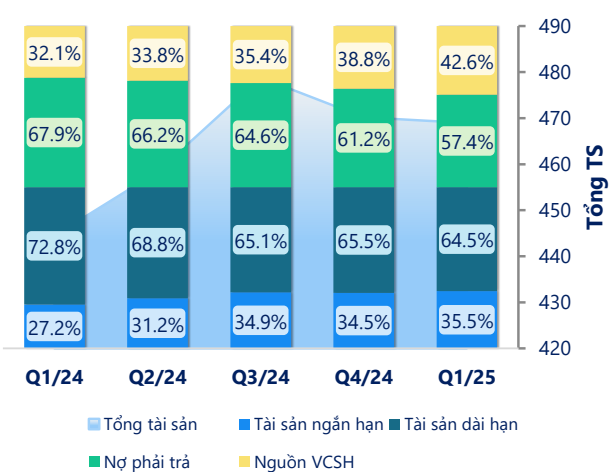
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

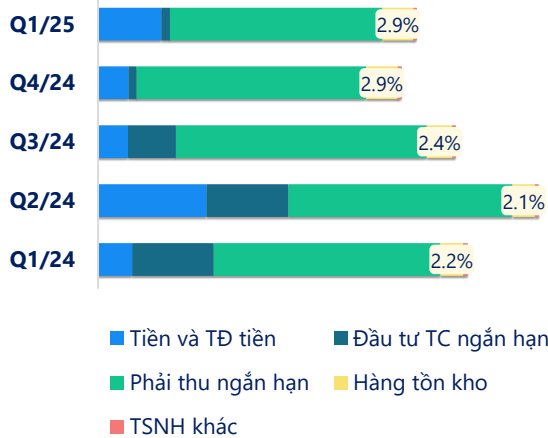
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



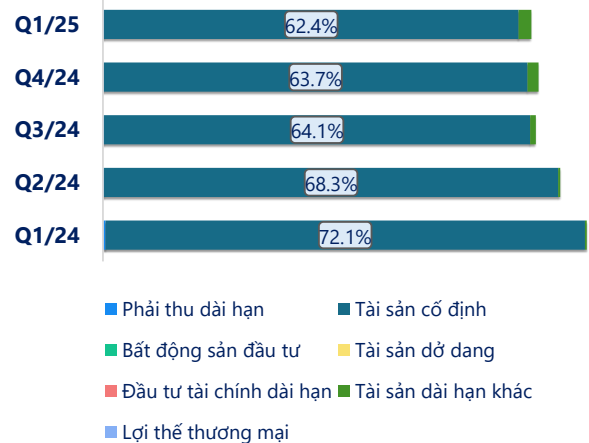
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

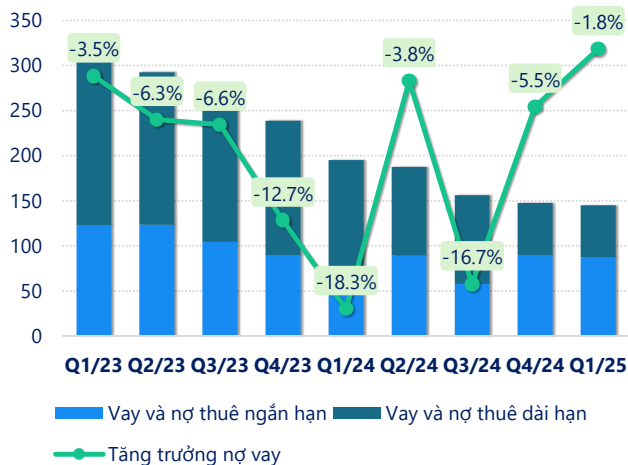
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

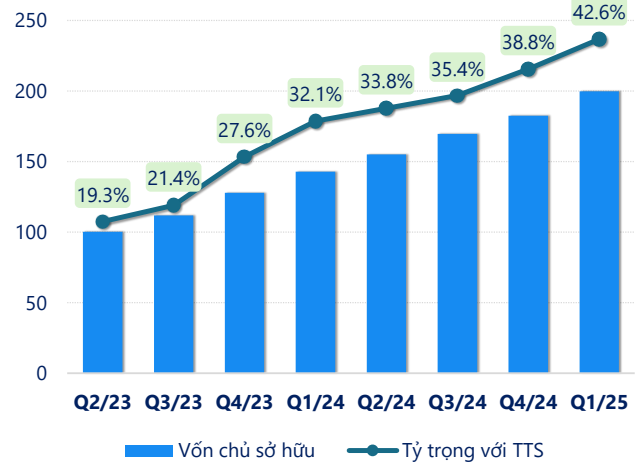
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

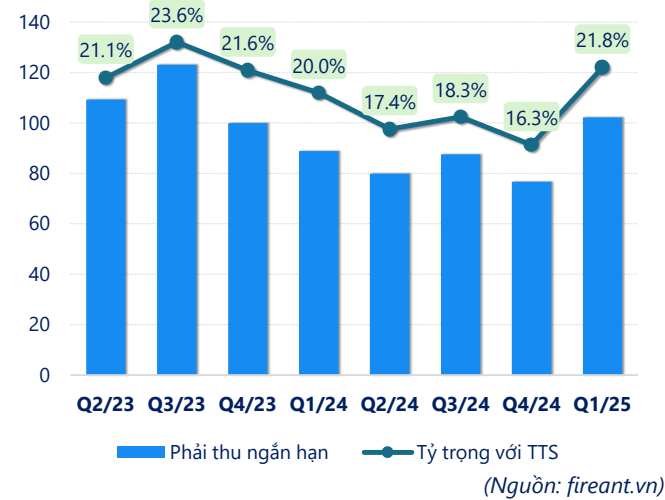
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

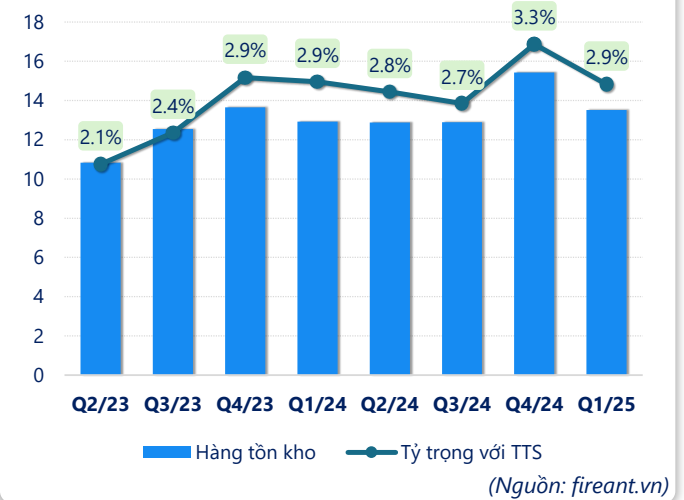
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn



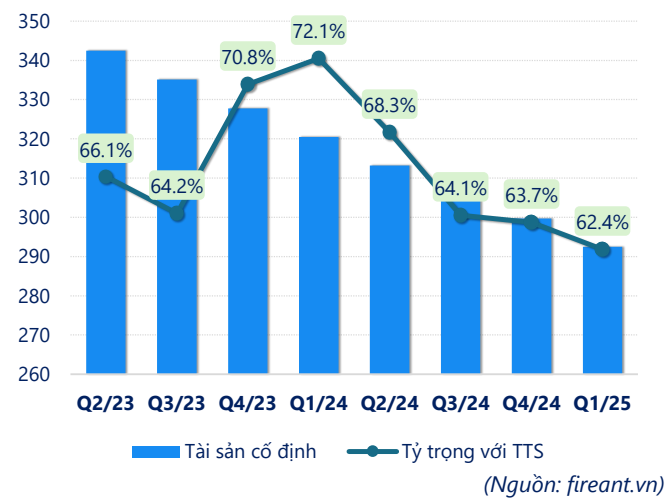
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho



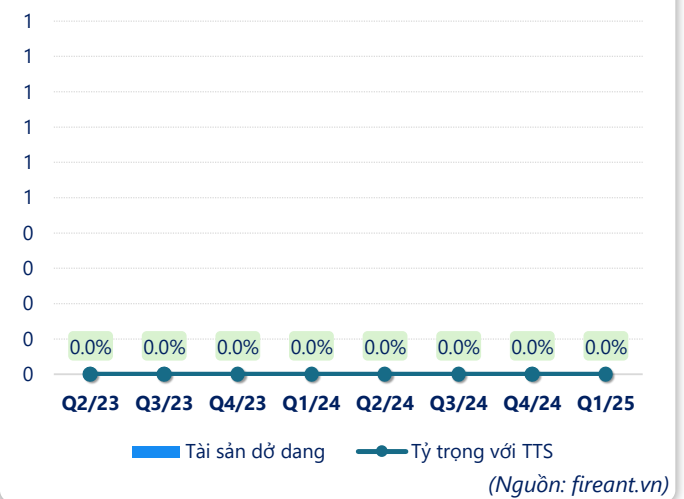
tỷ VNĐ

Tài sản cố định

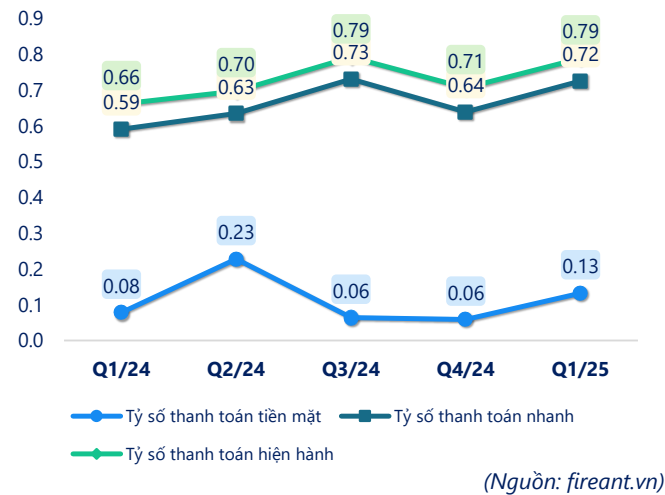


tỷ VNĐ

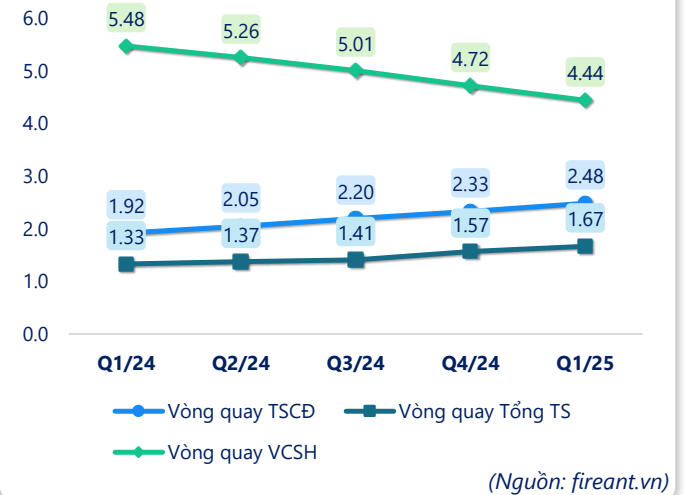
Tài sản dở dang



Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	444	458	479	470	469
Tài sản ngắn hạn	121	143	167	162	167
Tiền và tương đương tiền	14.3	46.7	13.5	13.5	27.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.50	3.50	53.0	53.0	23.0
Phải thu ngắn hạn	88.9	79.9	87.6	76.6	102
Hàng tồn kho	12.9	12.9	12.9	15.4	13.5
Tài sản ngắn hạn khác	1.48	0	0	3.60	0
Tài sản dài hạn	323	315	312	308	302
Phải thu dài hạn	1.76	0.72	0.72	0.56	0.73
Tài sản cố định	320	313	307	300	292
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.22	1.49	4.21	7.77	9.17
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	302	303	309	288	269
Nợ ngắn hạn	183	205	211	230	211
Vay và nợ thuê ngắn hạn	76.5	89.2	57.9	89.8	87.1
Phải trả người bán ngắn hạn	54.9	47.0	58.5	73.2	55.4
Nợ dài hạn	119	98.3	98.3	57.9	57.9
Vay và nợ thuê dài hạn	119	98.3	98.3	57.9	57.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	143	155	170	183	200
Vốn chủ sở hữu	143	155	170	183	200
Vốn điều lệ	179	179	179	179	179
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)